

Số: /TTr-SNNMT

Tuyên Quang, ngày

tháng 3 năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ; số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 quy định về thanh lý rừng trồng;

Thực hiện Văn bản số 242/UBND-KT ngày 17/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh,

Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Ngày 25/10/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 140/2024/NĐ-CP quy định về thanh lý rừng trồng, có hiệu lực thi hành từ ngày 25/10/2024. Tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương”*.

Ngày 05/11/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh có Văn bản số 5143/UBND-KT về việc thực hiện Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ về thanh lý rừng trồng. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) *“chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để tổ chức, hướng dẫn thực hiện trình tự, thủ tục về thanh lý rừng trồng trên địa bàn tỉnh; trong đó: Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; quy định về quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý rừng trồng thực hiện trên địa bàn tỉnh”*.

Theo hồ sơ quản lý, toàn tỉnh hiện có khoảng 5.333 ha rừng trồng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ các Chương trình, dự án; thực hiện quy định trồng rừng thay thế tại Điều 21 Luật Lâm nghiệp năm 2017 và các Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT, số 22/2023/TT-BNNPTNT, số 24/2024/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), đến thời điểm hiện tại, tổng diện tích đã trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh là 80,394 ha, thời gian tới do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và diện tích phải trồng rừng thay thế sẽ phát sinh thêm, quá trình thực hiện không tránh được rủi ro do thiên tai, sâu, bệnh và sinh vật khác gây hại rừng, dẫn đến một số diện tích không đủ tiêu chí rừng do nguyên nhân bất khả kháng. Theo Điều 4 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP thì những diện tích rừng này thuộc đối tượng (nguyên nhân) thanh lý rừng trồng, do đó thực tế đặt ra yêu cầu phải quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng để bảo đảm việc thực hiện thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân kịp thời, đúng quy định.

Như vậy, việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết, có đầy đủ căn cứ pháp lý và thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

Quy định cụ thể thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân, làm căn cứ tổ chức thực hiện thanh lý đối với diện tích rừng bị thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, sâu, bệnh và sinh vật khác gây hại rừng), đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

2. Quan điểm xây dựng

Ban hành quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Nghị quyết trong hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang¹ theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024 của Chính phủ quy định về thanh lý rừng trồng (sau đây viết tắt là Nghị định số 140/2024/NĐ-CP).

b) Nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 140/2024/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến các hoạt động thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Nghị định số 140/2024/NĐ-CP.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Văn bản số 242/UBND-KT ngày 17/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã ban hành Quyết định số 85/QĐ-SNN ngày 10/02/2025 về việc thành lập Tổ soạn thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết cụ thể như sau:

Ngày/3/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số/SNNMT-KL về việc xin ý kiến dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gửi xin ý kiến góp ý của các sở, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các đối tượng chịu tác động của Nghị quyết; đồng thời đề

¹ Rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP, gồm:

- Rừng trồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (hoặc cấp phó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, người đứng đầu cơ quan chuyên môn khi được ủy quyền); Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư toàn bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều 89, Điều 90 Luật Đầu tư công;

- Diện tích rừng trồng được đầu tư bằng nguồn kinh phí trồng rừng thay thế do chủ rừng được quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều 8 Luật Lâm nghiệp; chủ rừng là doanh nghiệp nhà nước; cơ quan, tổ chức nhà nước khác làm chủ đầu tư;

- Rừng trồng do Nhà nước thu hồi, được tặng cho hoặc trường hợp chuyển quyền sở hữu rừng trồng khác trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật.

nghị đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cá nhân; kết quả lấy ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Ngày/3/2025, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Văn bản số/SNNMT-KL đề nghị Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số/BC-STP ngày/2025 về thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 05 điều, cụ thể:

- 1.1. Điều 1: Phạm vi điều chỉnh
- 1.2. Điều 2: Đối tượng áp dụng
- 1.3. Điều 3: Thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân
- 1.4. Điều 4. Tổ chức thực hiện
- 1.5. Điều 5. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Quy định cụ thể thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

2. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan thuộc lực lượng vũ trang cấp tỉnh quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang có tổng giá trị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt dưới 01 (một) tỷ đồng theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về lâm nghiệp đối với rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân tại các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Tuyên Quang.

b) Các cơ quan quản lý nhà nước khác, lực lượng vũ trang không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này quyết định thanh lý đối với rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân tại các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi mình quản lý.

*** Căn cứ pháp lý và giải trình nội dung đề xuất**

- Khoản 2, Điều 6 Nghị định số 140/2024/NĐ-CP quy định: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc phạm vi quản lý của địa phương*”.

- Điều 28 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (được sửa đổi bởi khoản 20, Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP, sửa đổi bởi khoản 14, Điều 1 Nghị định số 50/2025/NĐ-CP) quy định:

“Người đứng đầu cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý đối với:

a) Tài sản công là tài sản cố định theo thẩm quyền do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phân cấp.

b) Tài sản công không phải là tài sản cố định”.

- Về căn cứ thực tiễn: Trên thực tế, rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh bao gồm rừng trồng tại các Ban Quản lý dự án bảo vệ và phát triển rừng, Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được giao làm chủ đầu tư trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật; doanh nghiệp nhà nước; một số đơn vị thuộc lực lượng vũ trang, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng,...; nhiều trường hợp rừng trồng thuộc đối tượng phải thanh lý có diện tích manh mún, tổng giá trị đầu tư dưới 01 (một) tỷ đồng.

Do đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan chủ trì soạn thảo) đề xuất quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho các chức danh sau: (1) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với toàn bộ rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, không phân biệt giá trị, tổng mức đầu tư; (2) Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành về lâm nghiệp (hiện nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) quyết định thanh lý rừng trồng tại các cơ quan, đơn vị, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư mà tổng giá trị đầu tư dưới 01 (một) tỷ đồng; (3) Người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan thuộc lực lượng vũ trang cấp tỉnh quyết định thanh lý rừng trồng có tổng giá trị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt dưới 01 (một) tỷ đồng.

Mục đích của việc phân cấp thẩm quyền như vậy đảm bảo tính linh hoạt, hiệu quả, giảm áp lực công việc đối với Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HÀNH NGHỊ QUYẾT

Nguồn thu từ bán lâm sản khai thác tận dụng (nếu có) được chi cho các hoạt động lập hồ sơ đề nghị thanh lý, khảo sát, đo đếm, tính toán trữ lượng, giá trị (nếu có), chặt hạ, bóc xếp, vận chuyển lâm sản tận dụng từ rừng trồng được thanh lý và các khoản chi khác theo quy định.

Trường hợp không có nguồn thu từ bán lâm sản hoặc nguồn thu từ bán lâm sản nhỏ hơn chi phí thực hiện thanh lý rừng trồng thì Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bố trí bằng nguồn ngân sách của địa phương².

VII. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN: Không có.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, đề Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi kèm theo Tờ trình, gồm: ⁽¹⁾ Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (bản giấy và bản điện tử); ⁽²⁾ Báo cáo số .../BC-STP ngày ... của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (bản giấy và bản điện tử); ⁽³⁾ Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý, thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết (bản giấy và bản điện tử); ⁽⁴⁾ Văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị (bản giấy và bản điện tử)/.

Nơi nhận:

- Như trên (Kính trình);
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KH-TC;
- Thanh tra Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Lưu: VT, CCKL.

GIÁM ĐỐC

² Theo quy định tại Khoản 10, Điều 36 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được sửa đổi bởi khoản 29, Điều 1 Nghị định 114/2024/NĐ-CP:

“Trường hợp không phát sinh nguồn thu từ việc xử lý tài sản hoặc số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao (kể cả giao bổ sung) cho cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán, thanh lý tài sản hoặc từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan”